

BIỂU PHÍ THẺ TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP
VIETCOMBANK VISA BUSINESS
(có hiệu lực từ ngày 20/11/2025)

STT	Dịch vụ	Mức phí
1	Phí phát hành (*)	Miễn phí
2	Phí thường niên (*)	300.000 VNĐ/thẻ/năm
3	Phí cấp lại thẻ/thay thẻ/đổi lại thẻ (theo yêu cầu của chủ thẻ)	50.000 VNĐ/thẻ
4	Phí cấp lại PIN giấy	50.000 VNĐ/thẻ/lần
5	Phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu (*)	3% giá trị thanh toán tối thiểu chưa thanh toán (Tối thiểu 100.000 VNĐ)
6	Phí thay đổi hạn mức tín dụng (*)	Miễn phí
7	Phí xác nhận hạn mức tín dụng (*)	Miễn phí
8	Phí thông báo thẻ mất cắp, thất lạc	Miễn phí
9	Phí rút tiền mặt	3,64% số tiền giao dịch (Tối thiểu 90.909 VNĐ/giao dịch)
10	Phí xử lý giao dịch ngoại tệ	2,27% giá trị giao dịch
11	Phí xử lý giao dịch nội tệ tại nước ngoài (áp dụng với giao dịch bằng VNĐ tại nước ngoài)	1% số tiền giao dịch
12	Phí vượt hạn mức tín dụng (*)	
12.1	Vượt hạn mức từ 01 đến 05 ngày	8%/năm/số tiền vượt hạn mức
12.2	Vượt hạn mức từ 06 đến 15 ngày	10%/năm/số tiền vượt hạn mức
12.3	Vượt hạn mức từ ngày 16 trở đi	15%/năm/số tiền vượt hạn mức
13	Phí đòi bồi hoàn	Miễn phí
14	Phí cung cấp bản sao hóa đơn giao dịch	Miễn phí
15	Lãi suất	19,5%/năm

GHI CHÚ

1. Các mức phí nêu trên chưa bao gồm VAT và một số trường hợp được đánh dấu (*) không thuộc đối tượng chịu VAT.

2. Đối với mức phí quy định theo tỷ lệ % thì phí thu được tính theo tỷ lệ % x giá trị giao dịch tương ứng.
3. Phí đòi bồi hoàn: Vietcombank sẽ không thu phí nếu khách hàng yêu cầu bồi hoàn đúng.
4. Phí xử lý giao dịch ngoại tệ do các Tổ chức thẻ quốc tế (TCTQT) và/hoặc Vietcombank quy định.
5. Các giao dịch liên quan đến việc sử dụng ngoại tệ tuân thủ theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.
6. Tỷ giá quy đổi trong các giao dịch Thẻ: Là tỷ giá do Vietcombank áp dụng theo tỷ giá do các TCTQT quy định hoặc theo tỷ giá quy đổi của Vietcombank tại thời điểm giao dịch được cập nhật vào hệ thống của Vietcombank.
7. Phí vượt hạn mức tín dụng được tính theo tỷ lệ phần trăm một năm (%/năm), một năm là 365 ngày (Ba trăm sáu mươi lăm ngày).
8. Lãi suất thẻ tín dụng quốc tế được tính theo tỷ lệ phần trăm một năm (%/năm), một năm là 365 ngày (Ba trăm sáu mươi lăm ngày).
9. Các mức phí nêu trên là phí dành cho chủ thẻ do Vietcombank quy định, không bao gồm các loại phí phát sinh từ các dịch vụ khác do các Ngân hàng/Tổ chức khác quy định (nếu có).
10. Vietcombank không hoàn lại phí đã thu trong trường hợp khách hàng yêu cầu hủy bỏ giao dịch/dịch vụ hoặc giao dịch/dịch vụ không thực hiện được vì sai sót, sự cố không phải do lỗi của Vietcombank gây ra.
11. Vietcombank có quyền thay đổi Biểu phí này trong từng thời kỳ và sẽ thông báo các thay đổi về phí 07 ngày trước khi áp dụng, thông qua trang thông tin điện tử chính thức của Vietcombank (website: www.vietcombank.com.vn) hoặc các phương thức khác theo quy định của Vietcombank trong từng thời kỳ./.